

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung”

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về việc quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Kế hoạch số 4125/KH-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 4731/KH-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số năm 2021;

Xét đề nghị của Phòng Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung” với các nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên dự án:** Nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung.
- 2. Đơn vị sử dụng ngân sách:** Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận.
- 3. Địa điểm thực hiện:** Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận.
- 4. Thời gian thực hiện:** Năm 2021.

5. Loại nguồn vốn: Nguồn vốn sự nghiệp theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin;

Tổng mức đầu tư dự kiến 4.174.336.00 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ một trăm ăm mươi bốn triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn) (Đính kèm khái toán chi tiết dự án “nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung”)

II. Nhiệm vụ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung”

1. Lập đề cương và dự toán chi tiết;
2. Thẩm định giá.

III. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư

Tên gói thầu	Giá trị gói thầu (VNĐ)	Hình thức/ phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Gói 01: Lập Đề cương và dự toán chi tiết	43.587.703	Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)	Tháng 10/2021	Trọn gói	15 ngày
Gói 02: Thẩm định giá	23.507.481	Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)	Tháng 11/2021	Trọn gói	10 ngày
Tổng giá trị	67.095.184				

Điều 2: Giao Phòng Công nghệ có trách nhiệm

Phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức thực hiện công tác khảo sát - thiết kế lập đề cương và dự toán chi tiết theo đúng nội dung nhiệm vụ tại Điều 1 của Quyết định này và theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CN.



Đào Xuân Kỳ

PHỤ LỤC

KHÁI TOÁN CHI TIẾT DỰ ÁN “XÂY DỰNG KHO DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CÁ NHÂN”

(kèm theo quyết định số 37A/QĐ-STTTT ngày 22/9/2021)

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Tỷ lệ	Diễn giải	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
I	Chi phí xây lắp	Gxl			0	0	0	
II	Chi phí thiết bị	Gtb		Gpmtm+Gpmb	3.994.474.240	-	3.994.474.240	
1	Chi phí mua sắm thiết bị	Gtb1			-	-	-	Không có
2	Chi phí xây dựng phần mềm nội bộ	Gpmb			3.994.474.240	-	3.994.474.240	
2.1	Xây dựng phần mềm nội bộ	Gpmb		theo CV 2589	3.983.074.240		3.983.074.240	Phần mềm VAT 0%
2.2	Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng	Gdt		Theo dự toán	11.400.000		11.400.000	Theo gói giá trị phần mềm
III	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa			-	-	-	Không có
IV	Chi phí tư vấn đầu tư dự án CNTT	Gtv			138.208.809	13.820.880	152.029.689	
1	Lập Đề cương và dự toán chi tiết xây dựng phần mềm nội bộ	Gtv1		Chi phí chi tiết (theo phương pháp chuyên gia)	39.625.184	3.962.518	43.587.702	Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020; Thông tư số 02/2015/TTBLĐTBXH ngày 12/01/2015
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị và phần mềm	Gtv3	0,405%	x Gpmb	16.177.621	1.617.762	17.795.383	khoản 4 Mục III QĐ số 1688/QĐ-BTTTT



TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Tỷ lệ	Diễn giải	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
3	Chi phí giám sát	Ggs	2,063%		82.406.004	8.240.600	90.646.604	khoản 4 Mục III QĐ số 1688/QĐ-BTTTT
IV	Chi phí khác	Gk			25.664.911	2.167.044	27.831.955	
1	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtd		Gtd1+Gtd2	3.994.474		3.994.474	
a)	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Gtd1	0,05%	(Gtd+Gtb) x tỷ lệ	1.997.237		1.997.237	Nghị định 63/2014/NĐ-CP
b)	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtd2	0,05%	(Gtd+Gtb) x tỷ lệ	1.997.237		1.997.237	Nghị định 63/2014/NĐ-CP
2	Chi phí thẩm định giá	Gtdg	0,535%		21.370.437	2.137.044	23.507.481	theo giá thị trường
4	Chi phí đăng báo đấu thầu			1 gói thầu	300.000	30.000	330.000	Thông tư số 10/2020/TT-BTC
V	Chi phí dự phòng	Gdp			-	-	-	
1	Dự phòng phí				-	-	-	
	Tổng cộng				4.158.347.960	15.987.924	4.174.335.883	
	Tổng cộng (làm tròn)						4.174.335.883	

Bảng chú: Bón tỷ một trăm ấy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Bảng tính chỉ phí chuyên gia theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT

TT	Nội dung công việc thực hiện	Diễn dài				Số lượng chuyên gia				Số lượng ngày công				Đơn giá ngày công				Thành tiền
		M1	M2	M3	M4	M1	M2	M3	M4	M1	M2	M3	M4	M1	M2	M3	M4	
I	Chi phí chuyên gia trực tiếp (Ccg)																	23.461.540
1	Phân tích căn cứ pháp lý, đánh giá hiện trạng, sự cần thiết đầu tư			1	2						2	2					769.231	3.846.154
2	Thuyết minh phương án, giải pháp kỹ thuật được lựa chọn			1	2						8	7					769.231	14.230.770
3	Xây dựng dự toán chi tiết			1	2						2	1					769.231	2.692.308
4	Hoàn thiện đề cương và dự toán chi tiết			1	2						2	1					769.231	2.692.308
2	Chi phí quản lý																	12.903.847
3	Chi phí khác																	1.016.862
4	Thu nhập chịu thuế tính trước																	2.242.935
	Tổng cộng																	39.625.184
V	Thuế giá trị gia tăng (VAT)																	3.962.518
	Tổng cộng																	43.587.702

Mức lương chuyên gia

	M1	M2	M3	M4	Ghi chú	
					M1	M4
Mức lương theo tháng	40.000.000	30.000.000	20.000.000	15.000.000		Thông tư số 02/2015/TT
Mức lương theo ngày	1.538.462	1.153.846	769.231	576.923		BLĐTBXH

